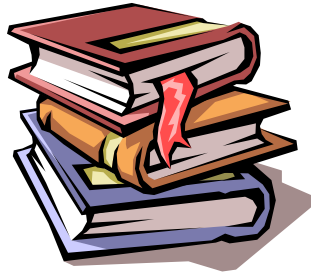


Tailieumontan.com



Điện thoại (Zalo) 039.373.2038



CHUYÊN ĐỀ
CÁC BÀI TOÁN VỀ TỔNG VÀ TỈ



Tài liệu sưu tầm, ngày 21 tháng 8 năm 2021

BÀI TOÁN TỔNG – TỈ**A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ.****1. Dạng toán tổng tỉ cơ bản**

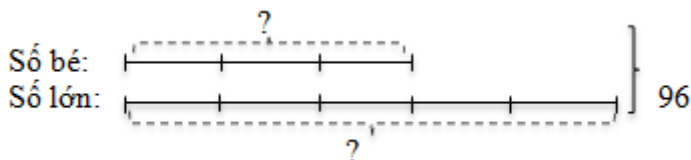
Các bước giải:

- Xác định tổng số, tỉ số.
- Vẽ sơ đồ đoạn thẳng.
- Tìm tổng số phần bằng nhau.
- Tìm giá trị một phần bằng cách lấy tổng chia cho tổng số phần.
- Tìm giá trị mỗi số bằng cách lấy giá trị một phần nhân với số phần của số cần tìm.

Ví dụ 1. Tổng của hai số là 96. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó.

Bài giải:

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số bé là: } 96 : 8 \times 3 = 36.$$

$$\text{Số lớn là: } 96 - 36 = 60.$$

Đáp số: 36; 60.

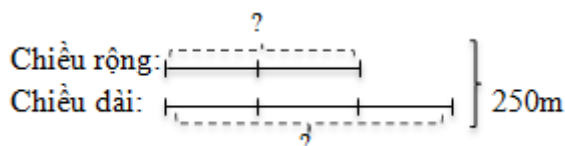
2. Dạng toán ẩn một trong hai đại lượng tổng số hoặc tỉ số

Ví dụ 2. Một sân vận động hình chữ nhật có chu vi 500 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích của sân vận động đó.

Bài giải:

$$\text{Nửa chu vi hình chữ nhật là: } 500 : 2 = 250 \text{ (m).}$$

Ta có sơ đồ sau:



Tổng số phần bằng nhau là: $2 + 3 = 5$ (phần).

Chiều rộng sân vận động là:

$$250 : 5 \times 2 = 100 \text{ (m).}$$

Chiều dài sân vận động là:

$$250 - 100 = 150(\text{m}).$$

Diện tích sân vận động là:

$$150 \times 100 = 15000(\text{m}^2).$$

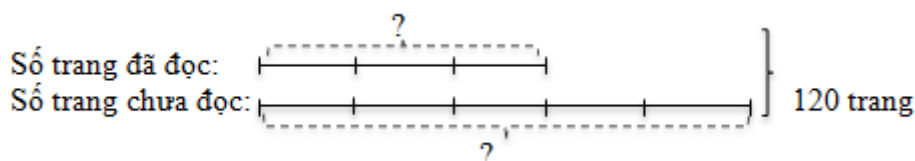
Đáp số: 15000 m².

Ví dụ 3. Mai đọc một quyển truyện dày 120 trang. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số trang đã đọc bằng $\frac{1}{5}$ số trang chưa đọc. Hỏi Mai đã đọc được bao nhiêu trang và bao nhiêu trang chưa đọc?

Bài giải:

Vì $\frac{1}{3}$ số trang đã đọc bằng $\frac{1}{5}$ số trang chưa đọc nên số trang đã đọc bằng $\frac{3}{5}$ số trang chưa đọc.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 5 = 8$ (phần).

Mai đã đọc được số trang là: $120 : 8 \times 3 = 45$ (trang)

Mai chưa đọc số trang là: $120 - 45 = 75$ (trang).

Đáp số: Đã đọc: 45 trang, chưa đọc: 75 trang.

3. Dạng toán: Ấn cả hai đại lượng tổng và tỉ số

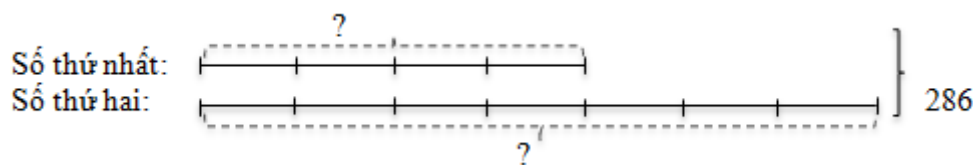
Ví dụ 4. Tìm hai số tự nhiên, biết trung bình cộng của chúng là 143 và $\frac{1}{4}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{7}$ số thứ hai.

Bài giải:

Tổng của hai số là: $143 \times 2 = 286$.

$\frac{1}{4}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{7}$ số thứ hai nên số thứ nhất bằng $\frac{4}{7}$ số thứ hai.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $4 + 7 = 11$ (phần).

Số thứ nhất là: $286 : 11 \times 4 = 104$.

Số thứ hai là: $286 - 104 = 182$.

Đáp số: 104; 182.

B. BÀI TẬP RÈN LUYỆN.

Bài 1. Tổng của hai số là 132. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$. Tìm hai số đó.

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2. Một lớp học có 45 học sinh, trong đó số học sinh nữ bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nam. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nữ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3. Một đội văn nghệ có 48 diễn viên, trong đó số diễn viên nam bằng $\frac{1}{3}$ số diễn viên nữ. Hỏi đội văn nghệ đó có bao nhiêu diễn viên nam, bao nhiêu diễn viên nữ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4. Một đàn gà có 34 con, trong đó số gà mái bằng $\frac{8}{9}$ số gà trống. Hỏi có bao nhiêu con gà mỗi loại?

Bài 5. Hà và Mai gấp được số ngôi sao là số bé nhất có ba chữ số khác nhau. Số ngôi sao của Hà bằng $\frac{1}{2}$ số ngôi sao của Mai. Hỏi mỗi bạn gấp được bao nhiêu ngôi sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Tìm hai số có trung bình cộng là 64, biết rằng số bé bằng $\frac{3}{5}$ số lớn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được số lít dầu bằng $\frac{4}{7}$ số lít dầu bán được của ngày thứ hai. Tính số dầu bán được trong mỗi ngày, biết rằng trong hai ngày đó, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 44 lít dầu.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Tổng của hai số là 306. Tìm hai số đó, biết rằng nếu gấp số bé lên 8 lần thì được số lớn.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Trong một phép chia hết, tổng của số bị chia và số chia bằng 405 . Thương của phép chia là 4 . Tìm số bị chia và số chia trong phép chia này.

Bài 10. Một hình chữ nhật có chu vi là 126cm . Tính diện tích của hình chữ nhật đó, biết rằng chiều dài bằng $\frac{4}{3}$ chiều rộng.

Bài 11. Lớp 4B có 40 học sinh, sau đó lớp có thêm 5 bạn nữ nữa chuyển đến nên số bạn nữ lúc này bằng $\frac{2}{3}$ số bạn nam. Tính số bạn nam và nữ lúc đầu.

.....
.....
Bài 12. Một hình chữ nhật có chu vi là 140m. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và giữ nguyên chiều rộng thì được hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 13. Tìm hai số có tổng bằng 295 , biết rằng nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương bằng 8 và số dư là 7 .

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 14. Hai lớp 4A và 4B trồng được 204 cây. Biết rằng lớp 4A có 32 học sinh, lớp 4B có 36 học sinh, mỗi học sinh đều trồng được số cây như nhau. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Bài 15. Tổng số tuổi của hai ông cháu là 78 tuổi. Tìm số tuổi của mỗi người, biết rằng tuổi ông gồm bao nhiêu năm thì tuổi cháu gồm bấy nhiêu tháng.

Bài 16. Tổng của hai số là 374. Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

Bài 17. Hiện nay, tổng số tuổi của hai mẹ con là 35 tuổi. Sau 5 năm nữa tuổi của con sẽ bằng $\frac{1}{4}$ tuổi của mẹ. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Bài 18. Hiệu hai số bằng $\frac{1}{4}$ số bé. Tổng hai số bằng 801. Tìm hai số đó.

Bài 19. Khối Năm của một trường có 256 học sinh, biết rằng $\frac{1}{3}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nam. Hỏi khối Năm của trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 20. Có hai bao chứa tất cả 65kg ngô. Nếu chuyển 5kg ngô từ bao I sang bao II thì số ngô ở bao I sẽ bằng $\frac{2}{3}$ số ngô ở bao II. Hỏi lúc đầu mỗi bao chứa bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 21. Khối Ba và khối Bốn của một trường Tiểu học có tất cả 345 học sinh. Nếu có thêm 25 học sinh chuyển vào khối Bốn và 25 học sinh khối Ba chuyển đi thì khi đó số học sinh khối Bốn sẽ bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh khối Ba. Hỏi lúc đầu mỗi khối có bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 22. Hai nhà máy A và B có 2415 công nhân. Nếu thêm vào nhà máy B 210 công nhân và giảm đi ở nhà máy A 210 công nhân thì khi đó số công nhân ở nhà máy A sẽ bằng 6 lần số công nhân của nhà máy B. Hỏi lúc đầu mỗi nhà máy có bao nhiêu công nhân?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 23. Cho phân số $\frac{7}{13}$. Hỏi phải bớt đi ở tử số và thêm vào mẫu số của phân số đó cùng một số tự nhiên nào để được phân số mới có giá trị bằng $\frac{1}{4}$?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 24. Phân số $\frac{49}{119}$. Hỏi phải thêm vào tử số và bớt đi ở mẫu số của phân số đó là cùng một số tự nhiên nào để được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{4}$?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 25. Một hình chữ nhật có chu vi là 140m. Nếu chiều dài tăng thêm 1m và chiều rộng bớt đi 1m thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Tính chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu.

Bài 26. Một hình chữ nhật có chu vi 80m. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và bớt chiều rộng đi 3m thì được hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng nửa chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Bài 27. Có một số con gà và một số con chó, người ta đếm được tất cả có 100 cái chân. Biết rằng số con chó bằng $\frac{3}{4}$ số con gà. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Bài 28. Tổng của hai số là số lớn nhất có ba chữ số khác nhau. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{6}$ số thứ hai. Tìm hai số đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 29. Cho ba số có tổng bằng 2052. Biết số thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ số thứ hai, số thứ hai bằng $\frac{1}{3}$ số thứ ba.

Tìm ba số đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 30. Cho ba số tự nhiên có tổng bằng 550. Biết rằng số thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số thứ ba, số thứ ba gấp 3

lần số thứ hai. Tìm ba số đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 31. Một cửa hàng bán táo, xoài và cam được 1500000 đồng, trong đó $\frac{1}{3}$ số tiền bán táo bằng $\frac{1}{2}$ số

tiền bán cam và bằng $\frac{1}{5}$ số tiền bán xoài. Hỏi cửa hàng đó bán được bao nhiêu quả mỗi loại?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 32. Hai bình đựng tất cả 70l nước. Người ta lấy ra ở bình thứ nhất 20l và đổ thêm vào bình thứ hai một lượng nước bằng lượng nước đang có ở bình đó. Khi đó, lượng nước còn lại ở bình thứ nhất gấp đôi lượng nước ở bình thứ hai. Hỏi lúc đầu mỗi bình có bao nhiêu lít nước?

☞HẾT☞

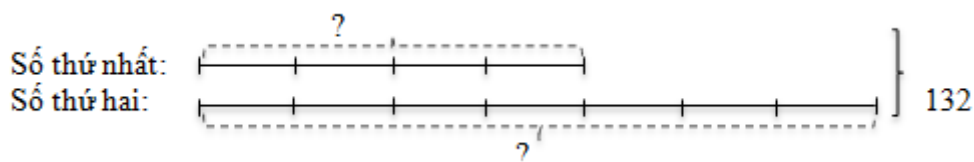
📖👉 HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT 👈📖

BÀI 20. BÀI TOÁN TỔNG - TỈ

Bài 1. Tổng của hai số là 132. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$. Tìm hai số đó.

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 7 = 11 \text{ (phần).}$$

$$\text{Số thứ nhất là: } 132 : 11 \times 4 = 48.$$

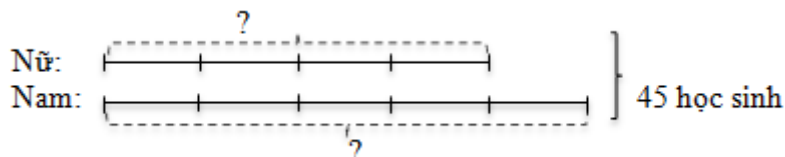
$$\text{Số thứ hai là: } 132 - 48 = 84.$$

Đáp số: 48;84.

- Bài 2.** Một lớp học có 45 học sinh, trong đó số học sinh nữ bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nam. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nữ?

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 5 = 9 \text{ (phần).}$$

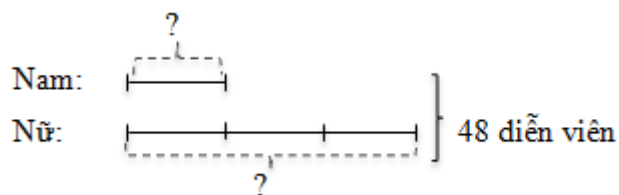
$$\text{Số học sinh nữ là: } 45 : 9 \times 4 = 20 \text{ (học sinh).}$$

Đáp số : 20 học sinh.

- Bài 3.** Một đội văn nghệ có 48 diễn viên, trong đó số diễn viên nam bằng $\frac{1}{3}$ số diễn viên nữ. Hỏi đội văn nghệ đó có bao nhiêu diễn viên nam, bao nhiêu diễn viên nữ?

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 3 = 4 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số diễn viên nam là: } 48 : 4 = 12 \text{ (diễn viên).}$$

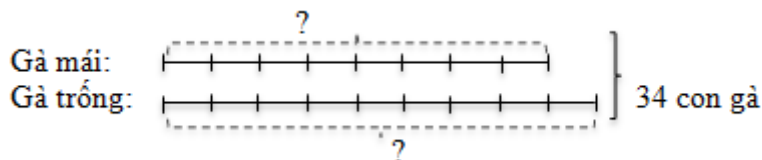
$$\text{Số diễn viên nữ là: } 48 - 12 = 36 \text{ (diễn viên).}$$

Đáp số: Nam: 12 diễn viên, Nữ: 36 diễn viên.

- Bài 4.** Một đàn gà có 34 con, trong đó số gà mái bằng $\frac{8}{9}$ số gà trống. Hỏi có bao nhiêu con gà mỗi loại?

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $8 + 9 = 17$ (phần).

Số gà mái là: $34 : 17 \times 8 = 16$ (con).

Số gà trống là: $34 - 16 = 18$ (con).

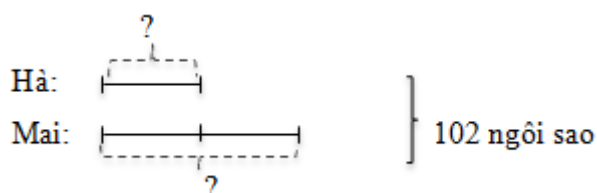
Đáp số: Gà mái: 16 con; Gà trống: 18 con.

Bài 5. Hà và Mai gấp được số ngôi sao là số bé nhất có ba chữ số khác nhau. Số ngôi sao của Hà bằng $\frac{1}{2}$ số ngôi sao của Mai. Hỏi mỗi bạn gấp được bao nhiêu ngôi sao?

Lời giải

Tổng số ngôi sao mà Hà và Mai gấp được là: 102 ngôi sao.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 2 = 3$ (phần).

Hà gấp được số ngôi sao là: $102 : 3 = 34$ (ngôi sao).

Mai gấp được số ngôi sao là: $102 - 34 = 68$ (ngôi sao).

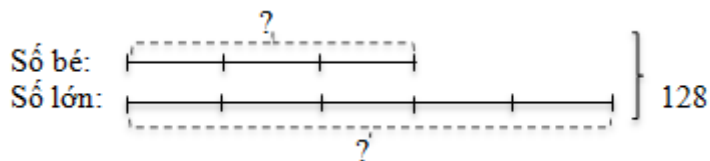
Đáp số: Hà: 34 ngôi sao; Mai: 68 ngôi sao.

Bài 6. Tìm hai số có trung bình cộng là 64, biết rằng số bé bằng $\frac{3}{5}$ số lớn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $64 \times 2 = 128$

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 5 = 8$ (phần).

Số bé là: $128 : 8 \times 3 = 48$.

Số lớn là: $128 - 48 = 80$.

Đáp số: Số lớn: 80; Số bé: 48

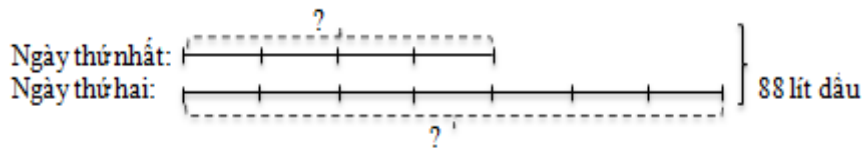
Bài 7. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được số lít dầu bằng $\frac{4}{7}$ số lít dầu bán được của ngày thứ hai.

Tính số dầu bán được trong mỗi ngày, biết rằng trong hai ngày đó, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 44 lít dầu.

Lời giải

Cả hai ngày cửa hàng đó bán được số lít dầu là: $44 \times 2 = 88$ (lít)

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $4 + 7 = 11$ (phần).

Ngày thứ nhất bán được số lít dầu là:

$$88 : 11 \times 4 = 32 \text{ (lít).}$$

Ngày thứ hai bán được số lít dầu là:

$$88 - 32 = 56 \text{ (lít).}$$

Đáp số: Ngày thứ nhất: 32 lít dầu.

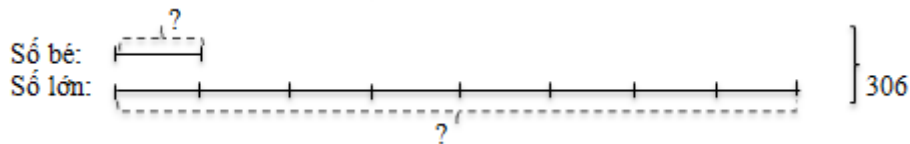
Ngày thứ hai: 56 lít dầu.

Bài 8. Tổng của hai số là 306. Tìm hai số đó, biết rằng nếu gấp số bé lên 8 lần thì được số lớn.

Lời giải

Vì gấp số bé lên 8 lần thì được số lớn nên số bé bằng $\frac{1}{8}$ lần số lớn.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 8 = 9 \text{ (phần).}$$

Số bé là: $306 : 9 = 34$.

Số lớn là: $306 - 34 = 272$.

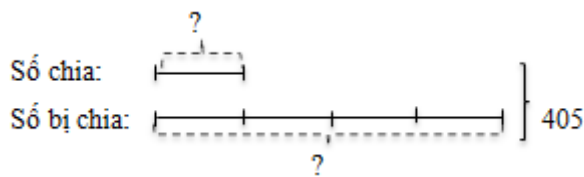
Đáp số: Số lớn: 272 ; Số bé: 34.

Bài 9. Trong một phép chia hết, tổng của số bị chia và số chia bằng 405. Thương của phép chia là 4. Tìm số bị chia và số chia trong phép chia này.

Lời giải

Vì thương của phép chia là 4 nên số chia bằng $\frac{1}{4}$ lần số bị chia.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 4 = 5 \text{ (phần).}$$

Số chia trong phép chia là: $405 : 5 = 81$.

Số bị chia trong phép chia là: $405 - 81 = 324$.

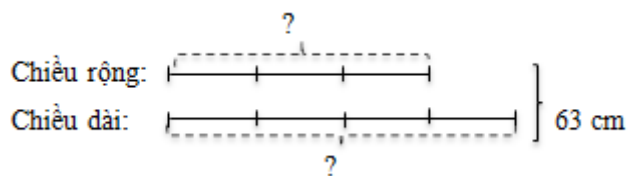
Đáp số: Số bị chia: 324 ; Số chia: 81.

Bài 10. Một hình chữ nhật có chu vi là 126cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó, biết rằng chiều dài bằng $\frac{4}{3}$ chiều rộng.

Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $126 : 2 = 63(\text{cm})$.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 = 7$ (phần).

Chiều rộng hình chữ nhật là: $63 : 7 \times 3 = 27(\text{cm})$.

Chiều dài hình chữ nhật là: $63 - 27 = 36(\text{cm})$.

Diện tích hình chữ nhật là: $27 \times 36 = 972 (\text{cm}^2)$.

Đáp số: 972cm^2 .

Bài 11. Lớp 4B có 40 học sinh, sau đó lớp có thêm 5 bạn nữ nữa chuyển đến nên số bạn nữ lúc này bằng $\frac{2}{3}$ số bạn nam. Tính số bạn nam và nữ lúc đầu.

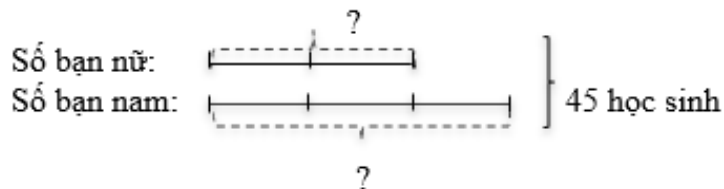
Lời giải

Tổng số học sinh lớp 4B sau khi có 5 bạn nữ chuyển đến là:

$$40 + 5 = 45 \text{ (học sinh)}$$

Vì khi đó số bạn nữ bằng $\frac{2}{3}$ số bạn nam nên ta coi số bạn nữ là 2 phần bằng nhau thì số bạn nam là 3 phần như thế.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Khi đó, số học sinh nữ là:

$$45 : 5 \times 2 = 18 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nữ lúc đầu là:

$$18 - 5 = 13 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nam lúc đầu là:

$$40 - 13 = 27 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 13 học sinh nữ

27 học sinh nam

Bài 12. Một hình chữ nhật có chu vi là 140m. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và giữ nguyên chiều rộng thì được hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật ban đầu là:

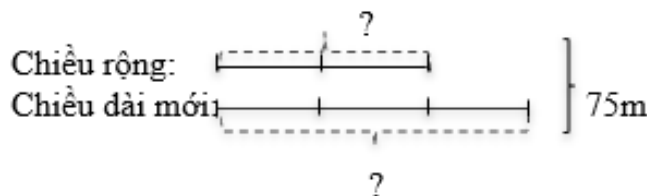
$$140 : 2 = 70(\text{m})$$

Nếu tăng chiều dài thêm 5m thì tổng chiều dài và chiều rộng mới là:

$$70 + 5 = 75(\text{m})$$

Khi đó, hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài nên nếu ta coi chiều rộng là 2 phần bằng nhau thì chiều dài mới là 3 phần như thế.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Khi đó, độ dài chiều rộng hình chữ nhật là:

$$75 : 5 \times 2 = 30(\text{m})$$

Độ dài chiều dài mới hình chữ nhật là:

$$75 - 30 = 45(\text{m})$$

Độ dài chiều dài hình chữ nhật ban đầu là:

$$45 - 5 = 40(\text{m})$$

Diện tích hình chữ nhật ban đầu là:

$$40 \times 35 = 1400(\text{m}^2)$$

Đáp số: 1400m^2

BÀI TẬP THAM KHẢO

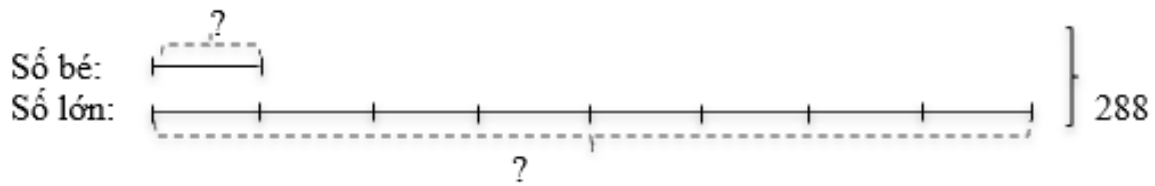
Bài 13. Tìm hai số có tổng bằng 295, biết rằng nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương bằng 8 và số dư là 7.

Lời giải

Nếu số lớn chỉ bằng 8 lần số bé thì tổng của chúng là:

$$295 - 7 = 288$$

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 8 = 9 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$288 : 9 = 32$$

Số lớn là:

$$288 - 32 = 256$$

Đáp số: Số bé: 32

Số lớn: 256

Bài 14. Hai lớp 4A và 4B trồng được 204 cây. Biết rằng lớp 4A có 32 học sinh, lớp 4B có 36 học sinh, mỗi học sinh đều trồng được số cây như nhau. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Lời giải

Tổng số học sinh của hai lớp 4A và 4B là:

$$32 + 36 = 68 \text{ (học sinh)}$$

Vì mỗi học sinh đều trồng được số cây như nhau nên số cây mỗi học sinh trồng là:

$$204 : 68 = 3 \text{ (cây)}$$

Số cây lớp 4A trồng là:

$$3 \times 32 = 96 \text{ (cây)}$$

Số cây lớp 4B trồng là:

$$204 - 96 = 108 \text{ (cây)}$$

Đáp số: lớp 4A : 96 cây

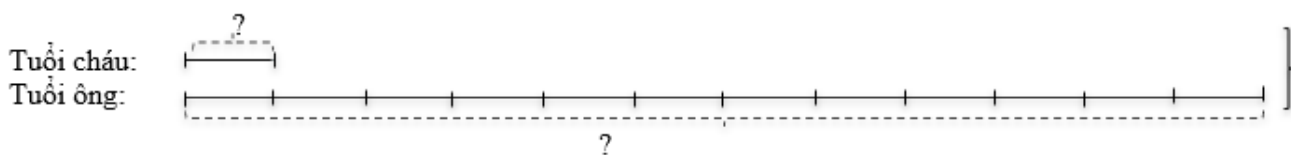
lớp 4B : 108 cây

Bài 15. Tổng số tuổi của hai ông cháu là 78 tuổi. Tìm số tuổi của mỗi người, biết rằng tuổi ông gồm bao nhiêu năm thì tuổi cháu gồm bấy nhiêu tháng.

Lời giải

Vì một năm có 12 tháng nên tuổi ông sẽ gấp 12 tuổi cháu.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1+12=13 \text{ (phần)}$$

Số tuổi của cháu là:

$$78:13=6 \text{ (tuổi)}$$

Số tuổi của ông là:

$$78-6=72 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: cháu 6 tuổi

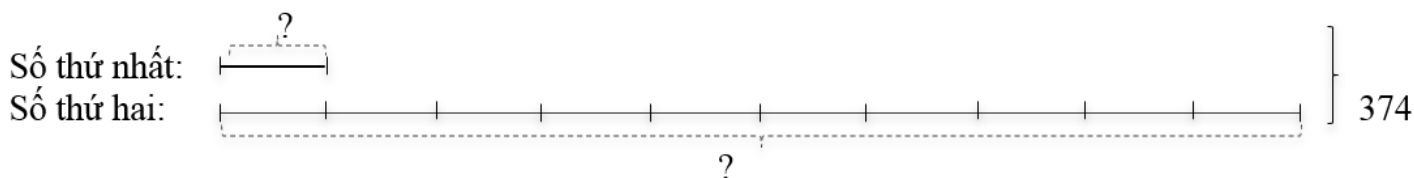
ông 72 tuổi

Bài 16. Tổng của hai số là 374. Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

Lời giải

Vì viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai nên số thứ hai gấp 10 lần số thứ nhất.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1+10=11 \text{ (phần)}$$

Số thứ nhất là:

$$374:11=34$$

Số thứ hai là:

$$374-34=340$$

Hoặc viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai nên số thứ hai là 340

Đáp số: số thứ nhất: 34

số thứ hai: 340

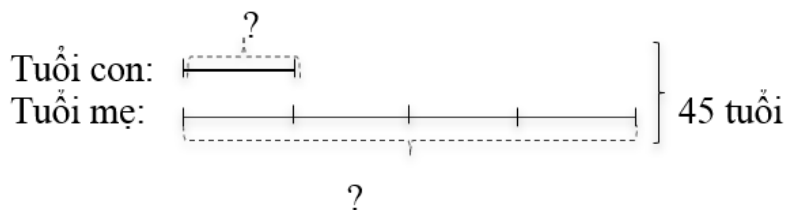
Bài 17. Hiện nay, tổng số tuổi của hai mẹ con là 35 tuổi. Sau 5 năm nữa tuổi của con sẽ bằng $\frac{1}{4}$ tuổi của mẹ. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Lời giải

Sau 5 năm nữa, tổng số tuổi của hai mẹ con là:

$$35 + 5 + 5 = 45 \text{ (tuổi)}$$

Ta có sơ đồ tuổi của hai mẹ con sau 5 năm nữa:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 4 = 5 \text{ (phần)}$$

Sau 5 năm nữa, số tuổi của con là:

$$45 : 5 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Hiện nay, số tuổi của con là:

$$9 - 5 = 4 \text{ (tuổi)}$$

Hiện nay, số tuổi của mẹ là:

$$35 - 4 = 31 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: con: 4 tuổi

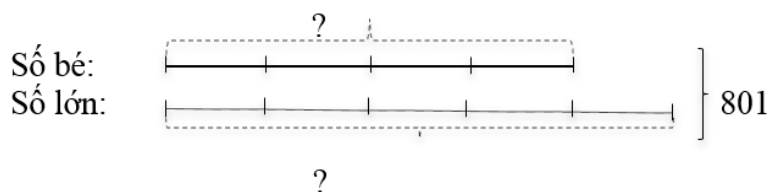
mẹ: 31 tuổi

Bài 18. Hiệu hai số bằng $\frac{1}{4}$ số bé. Tổng hai số bằng 801. Tìm hai số đó.

Lời giải

Vì hiệu hai số bằng $\frac{1}{4}$ số bé nên tỉ số của hai số là $\frac{4}{5}$.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 5 = 9 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$801 : 9 \times 4 = 356$$

Số lớn là:

$$801 - 356 = 445$$

Đáp số: số bé: 356

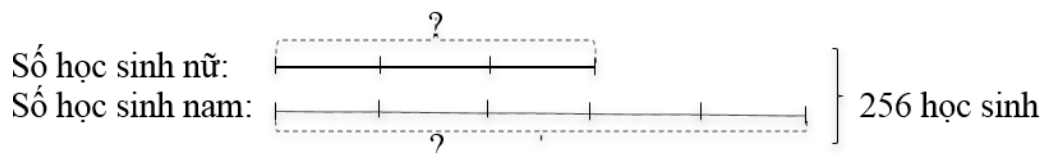
số lớn: 445

Bài 19. Khối Năm của một trường có 256 học sinh, biết rằng $\frac{1}{3}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nam. Hỏi khối Năm của trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Lời giải

Vì $\frac{1}{3}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nam nên tỉ số của số học sinh nữ và nam là $\frac{3}{5}$

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Số học sinh nữ là:

$$256 : 8 \times 3 = 96 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nam là:

$$256 - 96 = 160 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 96 học sinh nữ

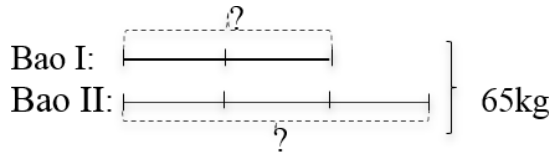
160 học sinh nam

Bài 20. Có hai bao chứa tất cả 65kg ngô. Nếu chuyển 5kg ngô từ bao I sang bao II thì số ngô ở bao I sẽ bằng $\frac{2}{3}$ số ngô ở bao II. Hỏi lúc đầu mỗi bao chứa bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Lời giải

Nếu chuyển 5kg ngô từ bao I sang bao II thì tổng số ngô ở hai bao không đổi và có tất cả 65kg ngô.

Ta có sơ đồ số ngô sau khi chuyển 5kg ngô từ bao I sang bao II:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Sau khi chuyển, số ngô ở bao I là:

$$65 : 5 \times 2 = 26 \text{ (kg)}$$

Số ngô ở bao I lúc đầu là:

$$26 + 5 = 31 \text{ (kg)}$$

Số ngô ở bao II lúc đầu là:

$$65 - 31 = 34 \text{ (kg)}$$

Đáp số: bao I: 31kg

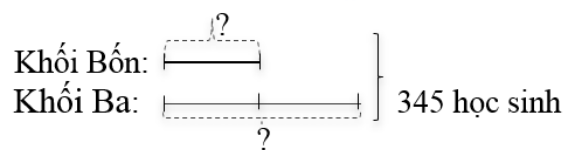
bao II: 34kg

Bài 21. Khối Ba và khối Bốn của một trường Tiểu học có tất cả 345 học sinh. Nếu có thêm 25 học sinh chuyển vào khối Bốn và 25 học sinh khối Ba chuyển đi thì khi đó số học sinh khối Bốn sẽ bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh khối Ba. Hỏi lúc đầu mỗi khối có bao nhiêu học sinh?

Lời giải

Nếu thêm 25 học sinh chuyển vào khối Bốn và 25 học sinh khối Ba chuyển đi thì tổng số học sinh ở khối Ba và khối Bốn không đổi và có tất cả 345 học sinh.

Ta có sơ đồ số học sinh lúc sau là:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Số học sinh khối Bốn lúc sau là:

$$345 : 3 = 115 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh khối Bốn lúc đầu là:

$$115 - 25 = 90 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh khối Ba lúc đầu là:

$$345 - 90 = 255 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: khối Ba: 255 học sinh

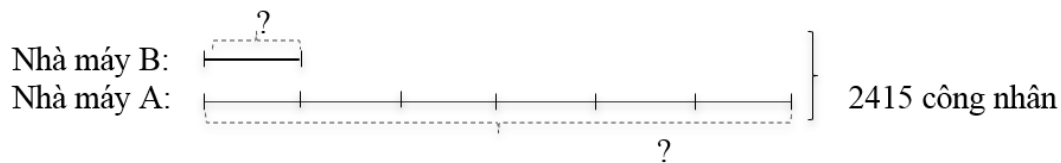
khối Bốn: 90 học sinh

Bài 22. Hai nhà máy A và B có 2415 công nhân. Nếu thêm vào nhà máy B 210 công nhân và giảm đi ở nhà máy A 210 công nhân thì khi đó số công nhân ở nhà máy A sẽ bằng 6 lần số công nhân của nhà máy B. Hỏi lúc đầu mỗi nhà máy có bao nhiêu công nhân?

Lời giải

Nếu thêm vào nhà máy B 210 công nhân và giảm đi ở nhà máy A 210 công nhân thì tổng số công nhân ở hai nhà máy không thay đổi và có 2415 công nhân.

Ta có sơ đồ số công nhân lúc sau là:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 6 = 7 \text{ (phần)}$$

Số công nhân ở nhà máy B lúc sau là:

$$2415 : 7 = 345 \text{ (công nhân)}$$

Số công nhân ở nhà máy B lúc đầu là:

$$345 - 210 = 135 \text{ (công nhân)}$$

Số công nhân ở nhà máy A lúc đầu là:

$$2415 - 135 = 2280 \text{ (công nhân)}$$

Đáp số: nhà máy A : 2280 công nhân

nhà máy B : 135 công nhân

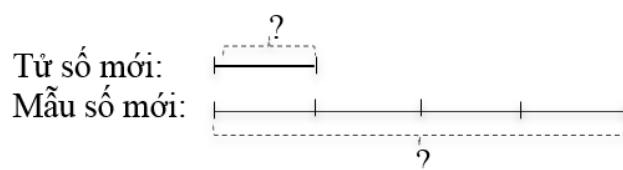
Bài 23. Cho phân số $\frac{7}{13}$. Hỏi phải bớt đi ở tử số và thêm vào mẫu số của phân số đó cùng một số tự nhiên nào để được phân số mới có giá trị bằng $\frac{1}{4}$?

Lời giải

Khi bớt tử số và thêm mẫu số thì tổng phân số cũ không thay đổi và bằng:

$$7 + 13 = 20$$

Ta có sơ đồ:



Tử số mới là:

$$20 : (1 + 4) = 4$$

Số cần tìm là:

$$7 - 4 = 3$$

Đáp số: 3

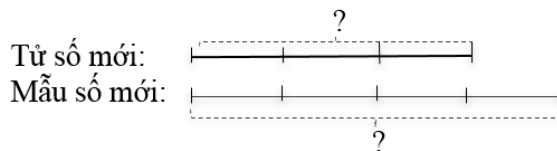
Bài 24. Cho phân số $\frac{49}{119}$. Hỏi phải thêm vào tử số và bớt đi ở mẫu số của phân số đó là cùng một số tự nhiên nào để được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{4}$?

Lời giải

Khi thêm tử số và bớt mẫu số thì tổng phân số cũ không thay đổi và bằng:

$$49 + 119 = 168$$

Ta có sơ đồ:



Tử số mới là:

$$168 : (3 + 4) \times 3 = 72$$

Số cần tìm là:

$$72 - 49 = 23$$

Đáp số: 23

Bài 25. Một hình chữ nhật có chu vi là 140 m. Nếu chiều dài tăng thêm 1 m và chiều rộng bớt đi 1 m thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Tính chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu.

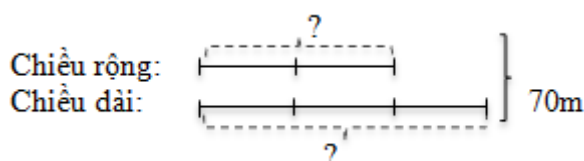
Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $140 : 2 = 70$ (m).

Nếu chiều dài tăng thêm 1 m và chiều rộng bớt đi 1 m thì được hình chữ nhật mới có nửa chu vi là: $70 + 1 - 1 = 70$ (m)

Vì hình chữ nhật mới có chiều dài gấp rưỡi chiều rộng nên chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 = 5$ (phần).

Chiều rộng của hình chữ nhật mới là: $70 : 5 \times 2 = 28$ (m)

Chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu là: $70 : 5 \times 2 + 1 = 29$ (m).

Chiều dài của hình chữ nhật ban đầu là: $70 - 29 = 41$ (m).

Đáp số: Chiều dài: 41m ; chiều rộng: 29m

Bài 26. Một hình chữ nhật có chu vi 80m. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và bớt chiều rộng đi 3m thì được hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng nửa chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

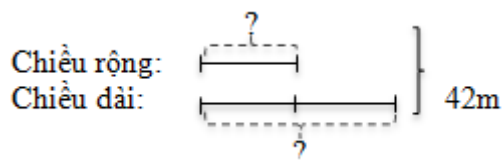
Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật ban đầu là: $80 : 2 = 40$ (m).

Nếu chiều dài tăng thêm 5m và chiều rộng bớt đi 3m thì được hình chữ nhật mới có nửa chu vi là: $40 + 5 - 3 = 42$ (m)

Vì hình chữ nhật mới có chiều rộng bằng nửa chiều dài nên chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 2 = 3$ (phần).

Chiều rộng của hình chữ nhật mới là: $42 : 3 \times 1 = 14$ (m)

Chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu là: $14 + 3 = 17$ (m).

Chiều dài của hình chữ nhật ban đầu là: $40 - 17 = 23$ (m).

Diện tích của hình chữ nhật ban đầu là: $23 \times 17 = 391$ (m²).

Đáp số: 391 m²

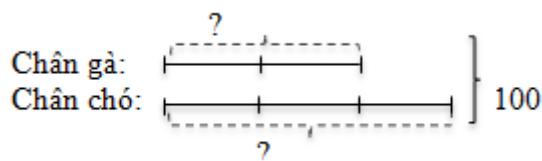
Bài 27. Có một số con gà và một số con chó, người ta đếm được tất cả có 100 cái chân. Biết rằng số con chó bằng $\frac{3}{4}$ số con gà. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Lời giải

Số con chó bằng $\frac{3}{4}$ số con gà mà một con chó có số chân gấp đôi số chân một con gà nên số chân

chó bằng $\frac{3}{4} \times 2 = \frac{3}{2}$ số chân gà.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $2 + 3 = 5$ (phần).

Số chân gà là: $100 : 5 \times 2 = 40$ (cái chân)

Số con gà là: $40 : 2 = 20$ (con gà).

Số con chó là: $20 \times \frac{3}{4} = 15$ (con chó).

Đáp số: Gà: 20 con, Chó: 15 con.

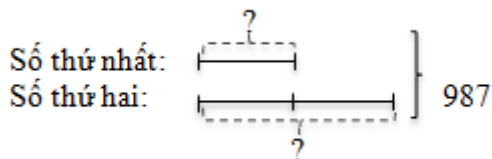
Bài 28. Tổng của hai số là số lớn nhất có ba chữ số khác nhau. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{6}$ số thứ hai. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là 987.

Vì $\frac{1}{3}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{6}$ số thứ hai nên số thứ nhất bằng $\frac{3}{6} = \frac{1}{2}$ số thứ hai.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 2 = 3$ (phần).

Số thứ nhất là: $987 : 3 \times 1 = 329$.

Số thứ hai là: $987 - 329 = 658$.

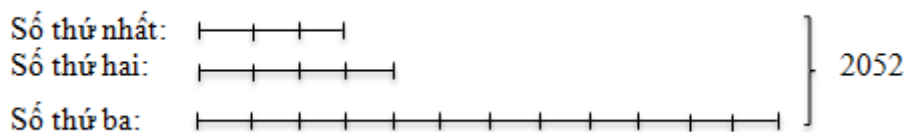
Đáp số: 329; 658.

Bài 29. Cho ba số có tổng bằng 2052. Biết số thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ số thứ hai, số thứ hai bằng $\frac{1}{3}$ số thứ ba. Tìm ba số đó.

Lời giải

Vì số thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ số thứ hai, số thứ hai bằng $\frac{1}{3}$ số thứ ba nên số thứ nhất là 3 phần, số thứ hai là 4 phần, số thứ ba là 12 phần.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 + 12 = 19$ (phần).

Giá trị một phần bằng nhau là: $2052 : 19 = 108$

Số thứ nhất là: $108 \times 3 = 324$.

Số thứ hai là: $108 \times 4 = 432$.

Số thứ ba là: $2052 - 324 - 432 = 1296$.

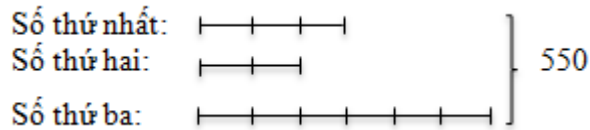
Đáp số: 324; 432; 1296.

Bài 30. Cho ba số tự nhiên có tổng bằng 550. Biết rằng số thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số thứ ba, số thứ ba gấp 3 lần số thứ hai. Tìm ba số đó.

Lời giải

Vì số thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số thứ ba, số thứ ba gấp 3 lần số thứ hai nên số thứ nhất là 3 phần, số thứ hai là 2 phần, số thứ ba là 6 phần.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 + 6 = 11$ (phần).

Giá trị một phần bằng nhau là: $550 : 11 = 50$

Số thứ nhất là: $50 \times 3 = 150$.

Số thứ hai là: $50 \times 2 = 100$.

Số thứ ba là: $550 - 150 - 100 = 300$.

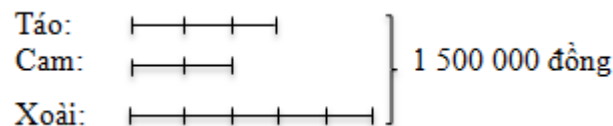
Đáp số: 150;100;300.

Bài 31. Một cửa hàng bán táo, xoài và cam được 1500000 đồng, trong đó $\frac{1}{3}$ số tiền bán táo bằng $\frac{1}{2}$ số tiền bán cam và bằng $\frac{1}{5}$ số tiền bán xoài. Hỏi cửa hàng đó bán được bao nhiêu quả mỗi loại?

Lời giải

Vì $\frac{1}{3}$ số tiền bán táo bằng $\frac{1}{2}$ số tiền bán cam và bằng $\frac{1}{5}$ số tiền bán xoài nên số tiền bán táo là 3 phần, số tiền bán cam là 2 phần, số tiền bán xoài là 5 phần.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 + 5 = 10$ (phần).

Giá trị một phần bằng nhau là: $1500000 : 10 = 150000$ (đồng).

Số tiền bán táo là: $150000 \times 3 = 450000$ (đồng).

Số tiền bán cam là : $150000 \times 2 = 300000$ (đồng).

Số tiền bán xoài là: $150000 \times 5 = 750000$ (đồng).

Đáp số: Tiền bán táo: 450000 đồng.

Tiền bán cam: 300000 đồng.

Tiền bán xoài: 750000 đồng.

Bài 32. Hai bình đựng tất cả 70l nước. Người ta lấy ra ở bình thứ nhất 20l và đổ thêm vào bình thứ hai một lượng nước bằng lượng nước đang có ở bình đó. Khi đó, lượng nước còn lại ở bình thứ nhất gấp đôi lượng nước ở bình thứ hai. Hỏi lúc đầu mỗi bình có bao nhiêu lít nước?

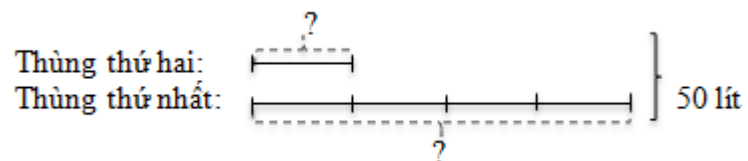
Lời giải

Tổng số lít nước ở hai bình sau khi lấy ra 20 lít ở bình thứ nhất là : $70 - 20 = 50$ (lít).

Lượng nước ở bình thứ nhất khi lấy ra 20 lít gấp lượng nước ở bình thứ hai lúc đầu số lần là : $2 \times 2 = 4$ (lần).

Vậy lượng nước lúc đầu ở bình thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ lượng nước ở bình thứ nhất.

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 4 = 5$ (phần).

Lúc đầu, thùng thứ hai có số lít nước là: $50 : 5 \times 1 = 10$ (lít).

Lúc đầu, thùng thứ nhất có số lít nước là: $50 - 10 = 40$ (lít).

Đáp số: Thùng thứ nhất: 40 lít nước.

Thùng thứ hai: 10 lít nước.

☞ HẾT ☞